

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 850/2023/HS-PT

Ngày: 14/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 811/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo phạm các tội “Giết người”; “Gây rối trật tự công cộng”, do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2023/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/4/2005 tại tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 25/6/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

2. Nguyễn Quang D, sinh năm 1999 tại tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; bị cáo có bố là Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; mẹ là Ngô Thị T1, sinh năm 1980; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Đặng Thị Ngọc M, sinh năm 1999;

Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Đình L, sinh năm 2001; tại tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; bị cáo có bố là Nguyễn Đình L1, sinh năm 1976; mẹ là Khổng Thị N1, sinh năm 1981; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. Có mặt.

4. Hoàng Văn T2, sinh năm 1996; tại tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; bị cáo có bố là Hoàng Văn T3, sinh năm 1970; mẹ là Hoàng Thị M1, sinh năm 1972; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ hai; vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 2003; bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:**

1. Luật sư Nguyễn Mạnh H1 - Văn phòng L2 - Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Số E đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

*** Bị hại:** Cháu Nguyễn Thế C, sinh ngày 06/10/2006; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- **Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Thế C có kháng cáo:** Bà Phùng Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:** Ông Thân Văn D1 và bà Nguyễn Thị M2 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, các bị cáo không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/4/2005 trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang có mâu thuẫn từ trước với Hoàng Trung K, sinh ngày 27/9/2005 ở thôn N, xã M, huyện H.

Khoảng 20 giờ ngày 20/6/2022, T cùng Nguyễn Quang D, sinh năm 1999 trú tại thôn H, xã H, huyện H; Nguyễn Đình L, sinh năm 2001 trú tại thôn N, xã C,

huyện H; Hoàng Văn T2, sinh năm 1996 trú tại thôn C, xã X, huyện H; Lô Q, sinh ngày 15/02/2008 trú tại khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và một số đối tượng khác ngồi uống rượu tại quán ốc ở thôn T, xã B, huyện H. Lúc này, T nhận được điện thoại của K gọi đến, giữa T và K có lời nói qua lại, thách thức hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS 99Z1- 7804 chở H2 đến nhà chị Ngô Thị B, sinh năm 1983 trú tại thôn L, xã B, huyện H lấy 01 kết vỏ chai bia Hà Nội (loại chai thủy tinh) mang về để trước cửa quán ốc rồi vào quán uống rượu tiếp. Lúc sau, T bảo H2 đi lấy 01 kết vỏ chai bia Hà Nội mang ra để ở khu vực ngã ba L thuộc địa phận thôn L, xã B, huyện H.

Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, không thấy K đến quán ốc, T gọi điện cho K thì được biết nhóm K đang từ thị trấn T, huyện H về. T rủ cả nhóm ra ngã ba thôn L chờ nhóm K thì có người nói không đi. T nói “Các anh đi thì đi, không đi em đi một mình” rồi điều khiển xe máy BKS 99Z1- 7804 chở H2 ngồi phía sau ôm 01 kết vỏ chai bia mà T4 để trước cửa quán đi ra ngã ba L. Do sợ T bị nhóm của K đánh nên D, L, T2 và nhóm của T lấy xe máy đi theo T đến ngã ba L. T đứng chờ một lúc không thấy nhóm của K đi qua nên bảo cả nhóm đi xuống đường vành đai 4 thuộc địa phận thôn Đ, xã H, huyện H chờ nhóm anh K. H2 điều khiển xe máy chở T ngồi sau ôm 02 kết vỏ chai bia đi được 01 đoạn thì xe bị đổ. T để lại 01 kết vỏ chai bia ở khu vực ngã ba L và lấy xe máy chở H2 ngồi sau ôm 01 kết vỏ chai bia đi ra khu vực ngã tư giao nhau giữa đường vành đai 4 với đường T. T phát hiện thấy một nhóm thanh niên có khoảng 10 người trong đó có cháu Nguyễn Thế C, sinh ngày 06/10/2006 trú tại thôn Đ, xã H, huyện H (sau này mới biết tên C) đứng phía trước bên kia đường, cách chỗ T khoảng 20m. Toàn làm tưởng đó là nhóm của K nên dừng xe, bê kết vỏ chai bia để xuống đường, hai tay cầm 02 vỏ chai bia chạy về phía nhóm cháu C, hô “chúng nó đây rồi” và ném vỏ chai về phía nhóm cháu C. Thấy vậy, Nguyễn Quang D, Nguyễn Đình L và Hoàng Văn T2 mỗi người lấy 01 vỏ chai bia ném về phía nhóm cháu C nhưng không trúng ai.

Bị ném vỏ chai bia, mọi người trong nhóm cháu C bỏ chạy về phía cầu X; còn C điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 98D1- 666.23 đi về phía Toàn. T lấy 02 vỏ chai bia chạy ra giữa đường. Khi cháu C đi xe máy ngang qua chỗ T (cách T khoảng 05m), T ném 01 vỏ chai bia trúng vào vùng đầu bên trái cháu C làm cháu C bị ngã, xe máy đè lên người và nằm bất tỉnh. T lấy thêm 01 vỏ chai bia (mỗi tay cầm 01 vỏ chai bia) chạy ra chỗ cháu C và ném về phía cháu C. Sau đó, T, D, L, T2 bỏ chạy khỏi hiện trường. Cháu C bị thương và được mọi người đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện.

Ngày 25/6/2022, T đến Công an huyện H đầu thú và giao nộp 01 điện thoại Iphone màu vàng, có số Imei 356137097420871 (bút lục 496- 497).

* Tóm tắt hồ sơ bệnh án của cháu Nguyễn Thế C ngày 27/6/2022 của Trung tâm y tế huyện H xác định: “*Cháu C vào viện hồi 23h30’ ngày 20/6/2022 trong tình trạng: Tiếp xúc lơ mơ gọi hỏi không trả lời, vùng thái dương có vết thương đã được khâu tại trạm y tế, huyết áp 100/60mmHg, tim nhịp đều, phổi không rales. CT sọ não: Hình ảnh xuất huyết não và vỡ xương thái dương lan lên xương đỉnh trái*” (bút lục 157).

Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trưng cầu giám định xác định thương tích, cơ chế hình thành thương tích của cháu Nguyễn Thế C.

Bản kết giám định pháp y về thương tích số 783/22/TgT ngày 30/6/2022 của Trung tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận:

- *Thương tích vết thương đã khâu vùng thái dương trái + vết mổ đã khâu vùng trán đỉnh thái dương trái + Chuẩn đoán ban đầu: Chấn thương sọ não: Máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái. Dập não thái dương trái. Vỡ lún xương sọ đỉnh - thái dương trái + Bệnh viện đã xử lý: Lấy máu tụ, cầm máu, giải tỏa não: 32%.*

- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 32% (ba mươi hai phần trăm).*

- *Cơ chế gây thương tích: Thương tích do vật tày gây nên.* (bút lục 126-127).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích bổ sung đối với cháu Nguyễn Thế C. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số: 996/22/TgT ngày 19/10/2022 của Trung tâm pháp y- Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận:

- *Thương tích vết thương đã khâu vùng thái dương trái + Vết sẹo vùng cằm + Vết sẹo dẫn lưu vùng đỉnh + Vết sẹo mổ vùng trán đỉnh thái dương trái, diện khuyết xương sọ, đáy trác + Tụ máu dưới màng cứng bán cầu não trái dày 66mm. Ổ đọng dập tụ máu trong nhu mô thùy thái dương trái + Tiến hành cầm máu, lấy máu tụ. Bỏ mảnh xương gửi ngân hàng mô + Khám thần kinh, vận động: Liệt vận động nửa người phải mức độ vừa: 76%.*

- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 76% (Bảy mươi sáu phần trăm).*

- *Cơ chế, lực tác động gây thương tích: Thương tích do vật tày gây nên, lực tác động mạnh.* (bút lục 141- 143).

Công văn số 04/BVĐK- TTPY ngày 18/01/2023 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B giải thích: “*Việc bị can T dùng vỏ chai bia thủy tinh màu nâu, loại bia Hà Nội, dài 22cm, đứng ở phía bên trái cháu C, cách cháu C khoảng 05m*

ném về phía cháu C trúng vào đầu phía bên trái của cháu C, khi cháu C đang điều khiển xe mô tô như trong tình huống thực nghiệm gây được thương tích vết thương vùng thái dương trái của cháu C” (bút lục 145).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quang D, Nguyễn Đình L, Hoàng Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Cơ quan điều tra cho T, D, L, T2 thực nghiệm điều tra diễn lại hành vi khi thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả T, D, L, T2 thực hiện các tư thế, động tác phạm tội phù hợp lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác của vụ án (bút lục 320- 344).

Đối với các đối tượng đi cùng cháu C và T, Cơ quan điều tra kết luận, chuyển hành vi, tài liệu của các đối tượng cho Công an huyện H xem xét xử lý theo quy định.

Đối với 02 kết vỏ chai bia mà T, H2 lấy của gia đình chị Ngô Thị B, Kết quả điều tra xác định, 02 kết vỏ chai bia do gia đình chị B vứt bỏ trước cửa quán, không có giá trị, gia đình chị B không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phùng Thị S là người đại diện theo pháp luật của cháu C yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số 750.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H là mẹ bị cáo T đã bồi thường cho cháu C 10.000.000 đồng; bà Ngô Thị T1 là mẹ bị cáo Nguyễn Quang D đã hỗ trợ cho gia đình cháu C 10.000.000 đồng; bà Khổng Thị N1 là mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Đình L đã hỗ trợ cho gia đình cháu C 50.000.000 đồng. (bút lục 749; 429- 430; 439- 440; 442- 443); Ông Nguyễn Thế X yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa xe máy theo định giá là 2.850.000 đồng (bút lục 419-420).

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 08/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Toàn về tội “Giết người” theo điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Quang D, Nguyễn Đình L, Hoàng Văn T2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2023/HSST ngày 23/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

* Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam 25/6/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 02 năm 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù từ ngày bắt thi hành án.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quang D cho UBND xã H, huyện H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình L cho UBND xã M, huyện H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92- Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho cháu Nguyễn Thế C (do bà Phùng Thị S đại diện) là 464.608.197 đồng. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường đủ số tiền 464.608.197 đồng cho cháu Nguyễn Thế C thì bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho cháu Nguyễn Thế C cho đến khi đủ số tiền 464.608.197 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Thế X số tiền là 2.850.000 đồng. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường đủ số tiền 2.850.000 đồng cho ông Nguyễn Thế X thì bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Thế X cho đến khi đủ số tiền 2.850.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/6/2023, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 30/6/2023, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T, chuyển đổi tội danh của các bị cáo T2, D, L sang tội “Giết người”; đề nghị tăng bồi thường đối với 4 bị cáo, đề nghị xem xét hành vi đồng phạm của các đối tượng đi cùng với T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo và bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T: cho rằng bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương về việc gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, ông và bố bị cáo được thưởng huân huy chương nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại và Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi nguy hiểm của các bị cáo, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và ảnh hưởng lâu dài cho người bị hại, hiện nay bị hại phải nghỉ học, thường xuyên có tình trạng không làm chủ được hành vi phải có người trông. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo. Về yêu cầu bồi thường dân sự, bị hại không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm b, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo D, L, T2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là phù hợp. Xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo: bị cáo T phạm tội chưa đạt, là người chưa thành niên nên, các bị cáo khác phạm tội gây rối trật tự công cộng, vai trò tham gia không đáng kể, nên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Về phần bồi thường dân sự: người

đại diện hợp pháp của người bị hại không xuất trình thêm chứng cứ mới, mức bồi thường Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại trong hạn luật định, nội dung và hình thức đơn đúng pháp luật, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Giết người, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo và gia đình mới chỉ bồi thường cho người bị hại 15 triệu đồng, trong khi thiệt hại gây ra cho bị hại rất lớn, do đó bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bố và ông bị cáo có huân huy chương. Tuy nhiên trong xác nhận gia đình bị cáo nộp Tòa án, chính quyền địa phương không nêu gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đồng thời gia đình bị cáo không xuất trình được huân huy chương của ông và bố bị cáo mà chỉ có xác nhận địa chỉ của chính quyền địa phương về nội dung mẹ bị cáo viết trong đơn. Do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư về áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo T.

Xét hành vi bị cáo T gây ra cho người bị hại, hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, gây ra hậu quả nặng nề, lâu dài đối với bị hại, bị cáo và gia đình có thái độ không tích cực trong khắc phục hậu quả gây ra. Do đó không chấp nhận đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát, Người bào chữa và bị cáo, cần chấp nhận kháng cáo tăng nặng hình phạt của người đại diện hợp pháp của người bị hại áp dụng cho bị cáo T mức hình phạt tương xứng.

Đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi tội danh đối với các bị cáo T2, D, L; người bị hại không có quyền kháng cáo tăng nặng đối với các bị cáo này vì tội danh các bị cáo bị truy tố là tội gây rối trật tự công cộng, khách thể xâm hại là trật tự công cộng. Trong

phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định về phần hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các bị cáo T2, D, L; bác kháng cáo này của người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Tuy nhiên, đối với hành vi của T2, D, L, H2, N2, H3, N3, C, L là những đối tượng bên nhóm của T cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét dấu hiệu đồng phạm với Toàn của những đối tượng này.

Đối với kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới, mức bồi thường Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, do đó không chấp nhận yêu cầu này của người đại diện hợp pháp cho bị hại. Trường hợp do hành vi của bị cáo trong vụ án này tiếp tục gây ra thiệt hại mới phát sinh cho bị hại, dành cho bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu bồi thường.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người đại diện hợp pháp của người bị hại không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với T của người đại diện hợp pháp của người bị hại, bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, sửa phần hình phạt đối với bị cáo T của Bản án số 49/2023/HSST ngày 23/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang:

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 91, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Giết người” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam 25/6/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án.

2. Giữ nguyên phần quyết định về bồi thường thiệt hại, phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo T2, D, L của Bản án số 49/2023/HSST ngày 23/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, như sau:

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 02 năm 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù từ ngày bắt thi hành án.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quang D cho UBND xã H, huyện H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình L cho UBND xã M, huyện H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92- Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho cháu Nguyễn Thế C (do bà Phùng Thị S đại diện) là 464.608.197 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Thế X số tiền là 2.850.000 đồng. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường cho cháu Nguyễn Thế C và ông Nguyễn Thế X, thì bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho cháu Nguyễn Thế C và ông Nguyễn Thế X cho đến khi chấp hành xong toàn bộ nghĩa vụ dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua TTG, qua Bưu điện);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến